

BỘ TƯ PHÁP**BỘ TƯ PHÁP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2015/TT-BTP

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2015

THÔNG TƯ**Quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư**

Căn cứ Luật luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp;

Để đảm bảo quản lý, sử dụng thống nhất các mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn việc sử dụng các mẫu giấy tờ về luật và hành nghề luật sư như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư (sau đây gọi chung là mẫu giấy tờ) và mã số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, mã số hình thức hành nghề luật sư Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư; luật sư Việt Nam; luật sư nước ngoài đề nghị cấp Giấy phép hành nghề tại Việt Nam; người nộp hồ sơ đăng ký hoạt động tổ chức hành nghề luật sư/chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam; người nộp hồ sơ thành lập chi nhánh/công ty luật nước ngoài, đăng ký hoạt động của chi nhánh/công ty luật nước ngoài; tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam; tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam; cơ quan quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư.

Điều 3. Các mẫu giấy tờ, mã số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, mã số hình thức hành nghề luật sư Việt Nam

Ban hành kèm theo Thông tư này các mẫu giấy tờ và mã số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, mã số hình thức hành nghề luật sư Việt Nam, như sau:

1. 22 mẫu giấy tờ với tên gọi và ký hiệu như sau:

STT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
1	Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư	Mẫu TP-LS-01
2	Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Mẫu TP-LS-02
3	Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của công ty luật hợp danh, công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Mẫu TP-LS-03
4	Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư	Mẫu TP-LS-04
5	Đơn đề nghị đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Mẫu TP-LS-05
6	Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Mẫu TP-LS-06
7	Giấy đăng ký hoạt động văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Mẫu TP-LS-07
8	Giấy đăng ký hoạt động công ty luật hợp danh, công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Mẫu TP-LS-08
9	Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư	Mẫu TP-LS-09
10	Giấy đăng ký hành nghề của luật sư hành nghề với tư cách cá nhân	Mẫu TP-LS-10
11	Đơn đề nghị thành lập chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam	Mẫu TP-LS-11
12	Đơn đề nghị thành lập công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam	Mẫu TP-LS-12
13	Đơn đề nghị thành lập công ty luật trách nhiệm hữu hạn dưới hình thức liên doanh tại Việt Nam	Mẫu TP-LS-13
14	Đơn đề nghị thành lập công ty luật hợp danh giữa tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và công ty luật hợp danh Việt Nam	Mẫu TP-LS-14
15	Đơn đề nghị thành lập chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Mẫu TP-LS-15
16	Đơn đề nghị cấp Giấy phép hành nghề tại Việt Nam của luật sư nước ngoài	Mẫu TP-LS-16
17	Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Mẫu TP-LS-17

STT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
18	Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam	Mẫu TP-LS-18
19	Giấy đăng ký hoạt động công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam	Mẫu TP-LS-19
20	Giấy đăng ký hoạt động công ty luật trách nhiệm hữu hạn dưới hình thức liên doanh tại Việt Nam	Mẫu TP-LS-20
21	Giấy đăng ký hoạt động công ty luật hợp danh giữa tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và công ty luật hợp danh Việt Nam	Mẫu TP-LS-21
22	Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Mẫu TP-LS-22

Các mẫu giấy tờ quy định tại khoản này được thiết kế để sử dụng trên khổ giấy A4 (210 x 297mm). Đối với các mẫu giấy đăng ký hoạt động được thiết kế trên bìa cứng, màu trắng.

2. Mã số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

Mã số	Tỉnh, TP trực thuộc Trung ương	Mã số	Tỉnh, TP trực thuộc Trung ương
01	Hà Nội	33	Quảng Nam
02	Hải Phòng	34	Quảng Ngãi
04	Hải Dương	35	Bình Định
05	Hưng Yên	36	Phú Yên
06	Hà Nam	37	Khánh Hòa
07	Nam Định	38	Kon Tum
08	Thái Bình	39	Gia Lai
09	Ninh Bình	40	Đắk Lắk
10	Hà Giang	41	Thành phố Hồ Chí Minh
11	Cao Bằng	42	Lâm Đồng
12	Lào Cai	43	Ninh Thuận
13	Bắc Cạn	44	Bình Phước
14	Lạng Sơn	45	Tây Ninh
15	Tuyên Quang	46	Bình Dương
16	Yên Bái	47	Đồng Nai
17	Thái Nguyên	48	Bình Thuận
18	Phú Thọ	49	Bà Rịa - Vũng Tàu
19	Vĩnh Phúc	50	Long An

Mã số	Tỉnh, TP trực thuộc Trung ương	Mã số	Tỉnh, TP trực thuộc Trung ương
20	Bắc Giang	51	Đồng Tháp
21	Bắc Ninh	52	An Giang
22	Quảng Ninh	53	Tiền Giang
23	Điện Biên	54	Vĩnh Long
24	Sơn La	55	Bến Tre
25	Hòa Bình	56	Kiên Giang
26	Thanh Hóa	57	Cần Thơ
27	Nghệ An	58	Trà Vinh
28	Hà Tĩnh	59	Sóc Trăng
29	Quảng Bình	60	Bạc Liêu
30	Quảng Trị	61	Cà Mau
31	Thừa Thiên Huế	62	Lai Châu
32	Đà Nẵng	63	Đắk Nông
		64	Hậu Giang

3. Mã số hình thức hành nghề luật sư Việt Nam như sau:

Mã số	Hình thức hành nghề luật sư
01	Văn phòng luật sư
02	Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên
03	Công ty luật hợp danh
04	Chi nhánh Văn phòng luật sư
05	Chi nhánh Công ty luật hợp danh
06	Chi nhánh Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên
07	Công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
08	Chi nhánh Công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
09	Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân

Điều 4. Cách thức đánh số Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân

Cách thức đánh số Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân được thực hiện theo Điều 6 của Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày 14/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật luật sư, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật luật sư, Nghị định hướng dẫn thi hành các quy định của Luật luật sư về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.

Điều 5. Đăng tải, sử dụng các mẫu giấy tờ

Các mẫu giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư này được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. Các cá nhân, tổ chức truy cập vào cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp (www.moj.gov.vn/bttp) để in và sử dụng các mẫu giấy tờ này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2015.

Các nội dung hướng dẫn liên quan đến trách nhiệm lập hồ sơ, sổ sách của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam, luật sư hành nghề với tư cách cá nhân quy định tại Điều 34; Điều 36 và Phụ lục 1, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011/TT-BTP hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Các giấy tờ theo mẫu quy định tại Điều 36 của Thông tư số 17/2011/TT-BTP được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành vẫn có giá trị pháp lý.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Giám đốc các Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, hướng dẫn giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thúy Hiền